**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 24-01-2019
*Về việc: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa,
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Phước Thuận
2. Bà Võ Thị Xuân Đào
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/2018/TLST-DS ngày 16/8/2018, về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 622/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: đường L, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ phòng giao dịch Quận N: đường T, Phường M, Quận N5, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông H, sinh năm 1974, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch N (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018 của Ngân hàng A cùng lời khai của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A, trình bày như sau:

Theo đợt vay 0113625201T13003, ngày 31/12/2013 Ngân hàng A có cho ông T vay số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, ông T có lập và ký "Giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) áp dụng cho CBNV của các cơ quan nhà nước" đề ngày 26/11/2013, thỏa thuận mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ông T nhận tiền vay là

31/12/2013 đến ngày 31/12/2016, lãi suất vay: lãi trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn, trả góp cả gốc và lãi mỗi tháng 1.444.000đồng trong 35 tháng đầu, tháng thứ 36 trả 1.460.000đồng.

Ngày 31/12/2013 ông T đã nhận đủ số tiền vay là 40.000.000đồng nêu trên.

Sau khi vay, ông T đã trả được cho Ngân hàng A 12 lần với số tiền nợ gốc tổng cộng là 10.733.403đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/12/2014 tổng cộng là 6.594.597đồng và ngưng thanh toán kể từ ngày 01/01/2015 cho đến nay.

Do đó, ngày 01/01/2015 Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đồng thời Ngân hàng A đã lập Biên bản làm việc các ngày 27/5/2015 và ngày 03/12/2015 với ông T, ông T có thỏa thuận về việc trả nợ nhưng đến nay ông T vẫn không trả được khoản nợ vay cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu cá nhân ông T trả số tiền còn nợ gốc là 29.266.597đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 24/01/2019 theo lãi suất quá hạn 15%/năm là 17.860.642đồng, tổng cộng là 47.127.239đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất quá hạn 15%/năm tính từ ngày 24/01/2019 đến khi trả hết nợ.

- Ông T không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để trình bày ý kiến, không có văn bản nêu ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:*

Ngày 07/8/2018 Ngân hàng A nộp đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018 (có hình thức, nội dung đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự) yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với ông T, hiện đang cư trú tại Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự, để triệu tập ông T đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Nhưng

ông T vẫn không đến tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét việc ông T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông T.

*[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tống đạt hợp lệ cho ông T thông báo thụ lý số 1287/2018/TB-TLVA ngày 17/8/2018 về việc thụ lý vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo đơn khởi kiện của Ngân hàng A yêu cầu ông T trả tiền vay còn nợ. Phía ông Tkhông có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông T đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Ngân hàng A đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng A đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) đề ngày 26/11/2013 và danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đề ngày 31/12/2013 cùng lời trình bày của đại diện Ngân hàng A, cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng A và ông T là "Hợp đồng vay tài sản" có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 122, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Số tiền ông Tvay của Ngân hàng A là 40.000.000đồng mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng từ ngày 31/12/2013 đến ngày 31/12/2016, lãi suất vay là 10%/năm, lãi quá hạn là 15%/năm, trả góp cả gốc và lãi mỗi tháng 1.444.000đồng trong 35 tháng đầu, tháng thứ 36 trả 1.460.000đồng.

Theo đại diện của Ngân hàng A trình bày: Sau khi ông T nhận đủ tiền vay là 40.000.000đồng, đã trả góp được 12 lần với số tiền nợ gốc tổng cộng là 10.733.403đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/12/2014 tổng cộng là 6.594.597đồng và ngưng thanh toán kể từ ngày 01/01/2015 cho đến nay.

Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) đề ngày 26/11/2013 và danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đề ngày 31/12/2013. Do đó, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 4 Điều 13 thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, ông T phải trả cho Ngân hàng A số tiền vay còn nợ gốc và lãi như sau:

*Về số tiền nợ gốc:* Do ông T đã trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 10.733.403đồng, nên còn phải trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ gốc là:

40.000.000đồng – 10.733.403đồng= 29.266.597đồng.

*Về số tiền lãi:* Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất vay thỏa thuận giữa Ngân hàng A và ông Tlà 10%/năm, lãi suất quá hạn là

15%/năm. Tại mục III của giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) đề ngày 26/11/2013 nêu "*Nếu đến hạn thanh toán mà tôi* (ông Tô Thành Tâm) *không trả được nợ thì DongA Bank được chuyển toàn bộ số tiền nợ sang nợ quá hạn trong ngày đó ...*". Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự ông T phải trả cho Ngân hàng A số tiền lãi từ ngày 01/01/2015 đến ngày 24/01/2019 là:

29.266.597đồng x 15%/năm x 1484/365 năm = 17.860.642đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông T phải thanh toán cho Ngân hàng A là: 29.266.597đồng + 17.860.642 đồng = 47.127.239 đồng.

*Về thời hạn thanh toán*: Căn cứ khoản 1 Điều 278 Bộ luật Dân sự quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự do các bên thỏa thuận, nên ông Tphải thực hiện việc thanh toán nợ vay theo thỏa thuận tại danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đề ngày 31/12/2013 là trả góp cả gốc và lãi mỗi tháng 1.444.000đồng trong 35 tháng đầu, tháng thứ 36 trả 1.460.000đồng. Tuy nhiên, mặc dù phía Ngân hàng A đã có yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ vay và lập biên bản làm việc ngày 27/5/2015, ngày 03/12/2015, nhưng cho đến nay ông T vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A, là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng A trong việc thu hồi nợ. Vì vậy, ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 47.127.239 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với đạo đức của xã hội và quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong trường hợp ông T chậm trả tiền thì phải trả cho Ngân hàng A tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) đề ngày 26/11/2013 và danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đề ngày 31/12/2013 là 15%/năm trên dư nợ gốc tính từ ngày 25/01/2019 cho đến khi trả hết nợ.

*[3].Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Do ông T phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 47.127.239 đồng x 5%= 2.356.361đồng.

Do Ngân hàng A được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.127.643đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010160 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 278, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A:

Buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền vay còn nợ theo giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) đề ngày 26/11/2013 và danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đề ngày 31/12/2013, là 47.127.239 (bốn mươi bảy triệu một trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm ba mươi chín) đồng, bao gồm: 29.266.597đồng tiền nợ gốc và 17.860.642 đồng tiền nợ lãi tính đến ngày 24/1/2019.

Ông T phải trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền 47.127.239 (bốn mươi bảy triệu một trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm ba mươi chín) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông T còn phải trả cho Ngân hàng A tiền lãi theo lãi suất là 15%/năm trên dư nợ gốc tính từ ngày 25/01/2019 cho đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.356.361 (hai triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm sáu mươi mốt) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tạm ứng án phí đã nộp là 1.127.643 (một triệu một trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi ba) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010160 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Kim Sa**